ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN NAM BỘ
ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH AN GIANG
Số: TVHN-295/AGIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THUỶ VĂN THỜI HẠN NGẮN TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến tình hình thuỷ văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và lượng mưa nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực sông Mekong tại Kratie (Campuchia): Mực nước xuống nhanh.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp ngày 21/10 trên các sông, kênh ở mức thấp hơn so với cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 95-195cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước lên theo triều, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/10 đều ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-145cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/10 hầu hết ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-155cm

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 21/10 ở mức 49cm, xuống 04cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh lên chậm trong những ngày tới do ảnh hưởng thủy triều biển Đông.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh theo kỳ triều Rằm tháng Chín Âm Lịch.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô tiếp tục xuống đến hết ngày 23/10, sau đó lên nhanh theo triều, đỉnh triều cao nhất trong 5 ngày tới ở mức dưới BĐ1.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng khu vực trũng, thấp vùng đầu nguồn sông Tiền, sông Hậu và các kênh, rạch trong khu vực nội đồng vùng TGLX.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiện tượng ngập, úng ảnh hưởng đến sinh hoạt và hoạt động sản xuất tại địa phương.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 23/10/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	21/10		20/10						22/10	23/10	24/10	25/10	26/10
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	220	1	▲	-147	▼	-126	▼	222	230	236	239	241
					Hmin	157	-7	▼	-184	▼	-172	▼	155	157	160	159	155
Ông Chưởng	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	201	5	▲	-101	▼	-52	▼	206	218	226	234	239
					Hmin	102	-10	▼	-144	▼	-112	▼	100	102	106	105	99
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	288	-9	▼	-183	▼	-127	▼	275	271	272	274	277
					Hmin	273	-9	▼	-195	▼	-136	▼	265	259	255	251	248
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	222	4	▲	-118	▼	-95	▼	225	233	239	245	249
					Hmin	150	-6	▼	-162	▼	-148	▼	146	148	151	150	146
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	200	10	▲	-73	▼	-12	▼	207	219	227	235	240
					Hmin	86	-9	▼	-112	▼	-70	▼	82	84	88	87	81
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	205	7	▲	-99	▼	-62	▼	209	221	229	237	242
					Hmin	111	-9	▼	-147	▼	-123	▼	108	110	114	113	107
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	215	-9	▼	-147	▼	-95	▼	205	197	189	182	177
					Hmin	205	-10	▼	-153	▼	-102	▼	195	188	180	174	169
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	123	-5	▼	-80	▼	-60	▼	120	117	115	113	111
					Hmin	120	-3	▼	-78	▼	-60	▼	116	113	111	108	106
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	124	-1	▼	-43	▼	-16	▼	122	120	118	116	114
					Hmin	122	-2	▼	-40	▼	-15	▼	118	116	114	112	110
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	108	-1	▼	-49	▼	-21	▼	107	105	103	101	99
					Hmin	106	-2	▼	-44	▼	-21	▼	104	102	100	98	96
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	120	-1	▼	-47	▼	-17	▼	119	116	114	112	110
					Hmin	117	-3	▼	-43	▼	-18	▼	116	113	111	109	107
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	146	-5	▼	-92	▼	-71	▼	139	137	136	135	134
					Hmin	139	-7	▼	-92	▼	-76	▼	133	131	131	130	130
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	154	-4	▼	-52	▼	-18	▼	154	151	149	147	146
					Hmin	149	-5	▼	-51	▼	-21	▼	151	147	146	143	142
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	112	-2	▼	-25	▼	0	◀▶	110	108	107	106	105
					Hmin	110	-2	▼	-23	▼	0	◀▶	107	105	104	103	102
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	123	-2	▼	-67	▼	-58	▼	123	121	119	118	117
					Hmin	118	-5	▼	-64	▼	-60	▼	120	118	116	115	114
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	158	-5	▼	-48	▼	-13	▼	158	156	156	158	160
					Hmin	148	-4	▼	-49	▼	-20	▼	148	146	148	150	152
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	185	-5	▼	-92	▼	-45	▼	183	181	182	185	189
					Hmin	156	-8	▼	-112	▼	-67	▼	158	156	159	162	166

Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	**220**	Hmax	**146**	-5 ▼	-53 ▼	-33 ▼	143	142	144	146	149
					Hmin	**121**	-6 ▼	-68 ▼	-51 ▼	120	119	122	125	129
	Tân Thành	120	150	**180**	Hmax	**121**	-4 ▼	-27 ▼	-2 ▼	117	114	112	111	111
					Hmin	**115**	-3 ▼	-29 ▼	-5 ▼	112	109	108	107	107
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	**150**	Hmax	**98**	-4 ▼	-18 ▼	-13 ▼	96	94	92	91	90
					Hmin	**96**	-3 ▼	-16 ▼	-13 ▼	94	92	90	89	88
Kiên	Rạch Giá	70	80	**90**	Hmax	**53**	-2 ▼	-2 ▼	-6 ▼	52	49	55	58	61
					Hmin	**7**	-8 ▼	-11 ▼	1 ▲	10	13	15	9	5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	**100**	Hmax	**49**	-4 ▼	-4 ▼	-5 ▼	47	44	42	49	56
					Hmin	**-15**	-14 ▼	2 ▲	-1 ▼	-7	-4	-8	-11	-14

Chú thích: ▲ *Cao hơn;* ▼ *Thấp hơn;* ◀▶ *Xấp xỉ;*

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm

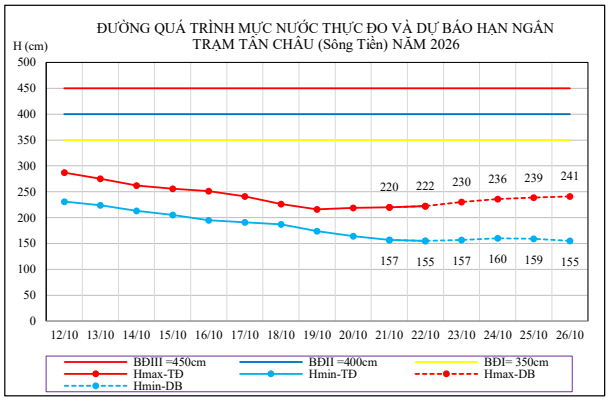

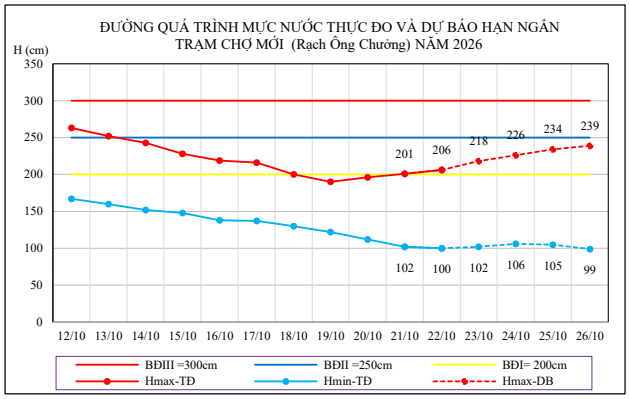

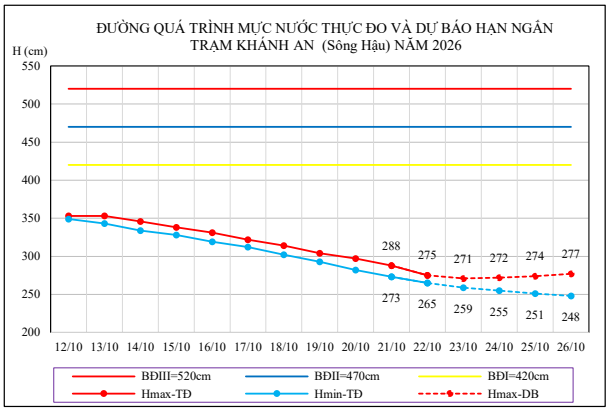

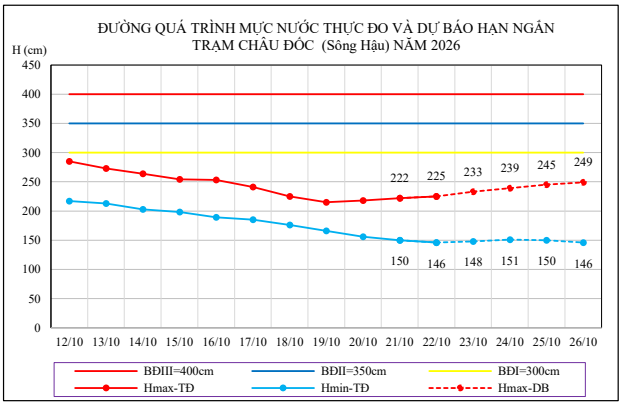

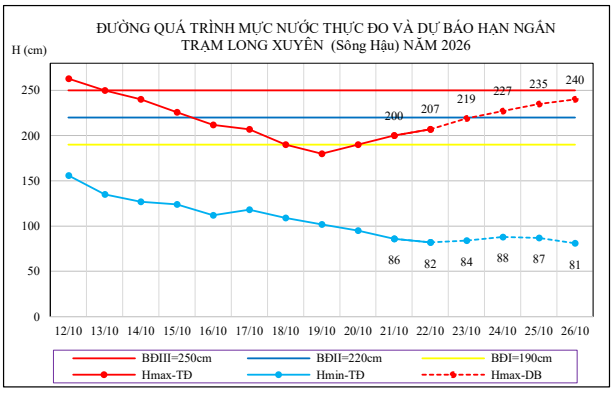

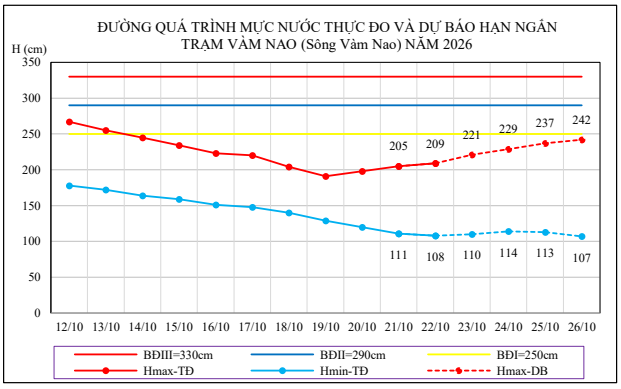

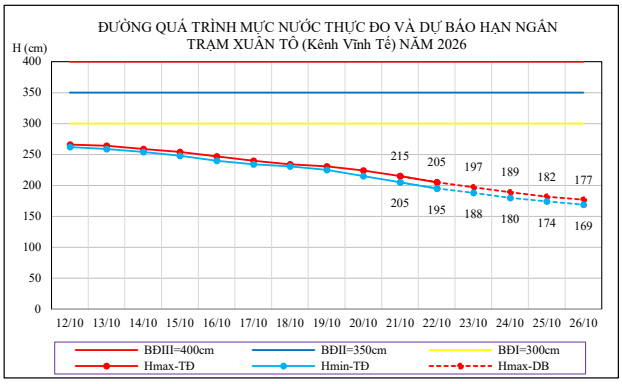
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XUÂN TÔ (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
400
350
300
250
200
150
100
50
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
215 205 197 189 182 177
205 195 188 180 174 169
BĐIII=400cm
BĐII=350cm
BĐI=300cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

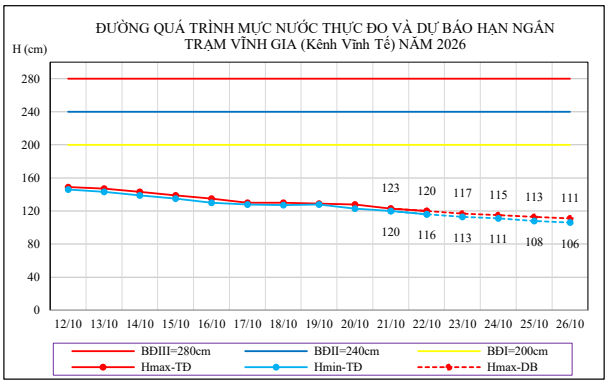
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH GIA (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
123 120 117 115 113 111
120 116 113 111 108 106
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

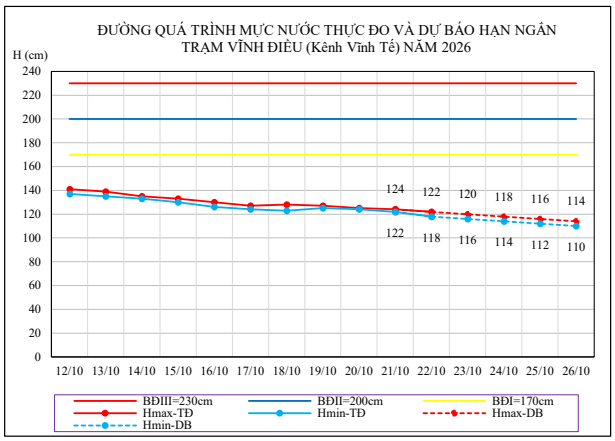
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH ĐIỀU (Kênh Vĩnh Tế) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
124 122 120 118 116 114
122 118 116 114 112 110
BĐIII=230cm
BĐII=200cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

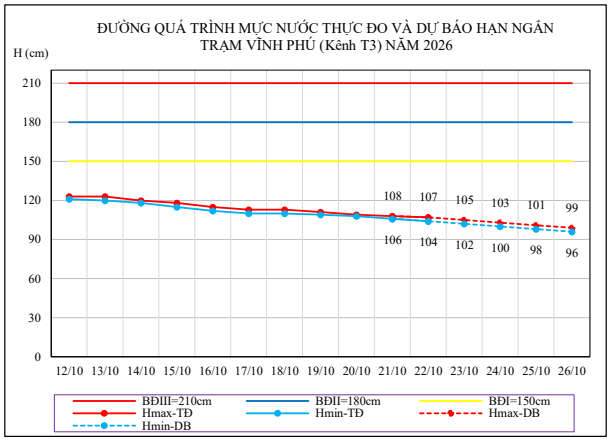
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH PHÚ (Kênh T3) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
108 107 105 103 101 99
106 104 102 100 98 96
BĐIII=210cm
BĐII=180cm
BĐI=150cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

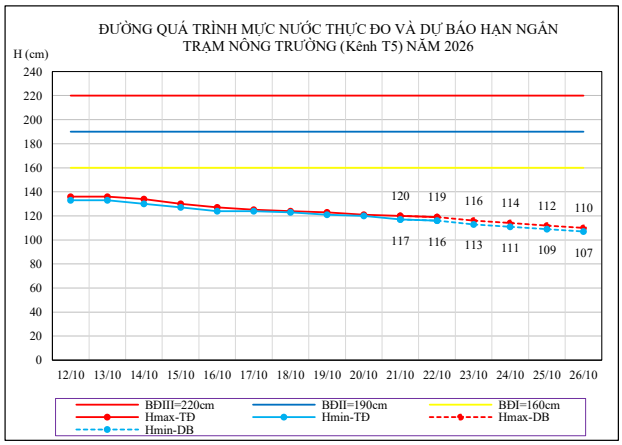
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÔNG TRƯỜNG (Kênh T5) NĂM 2026
H (cm)
240
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
120 119 116 114 112 110
117 116 113 111 109 107
BĐIII=220cm
BĐII=190cm
BĐI=160cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

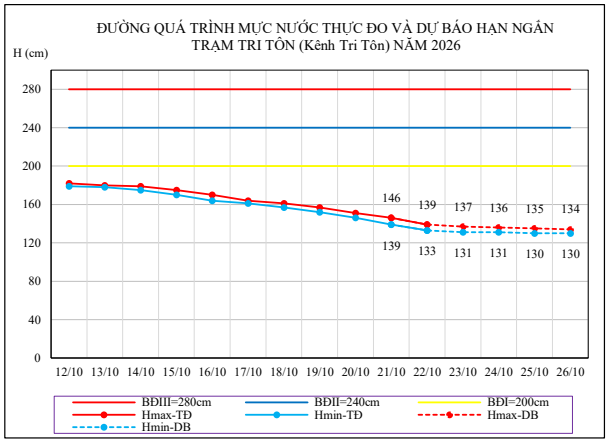
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TRI TÔN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
280
240
200
160
120
80
40
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
146 139 137 136 135 134
139 133 131 131 130 130
BĐIII=280cm
BĐII=240cm
BĐI=200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

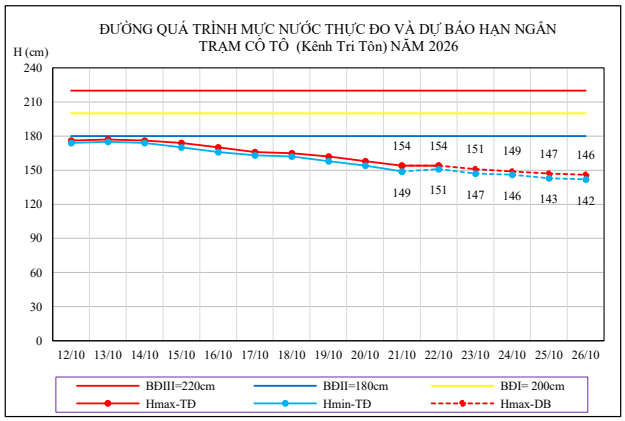
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM CỒ TÔ (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
240
210
180
150
120
90
60
30
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
154 154 151 149 147 146
149 151 147 146 143 142
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI= 200cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

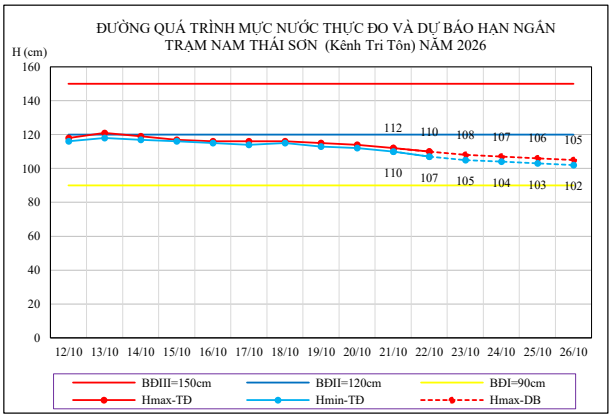
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NAM THÁI SƠN (Kênh Tri Tôn) NĂM 2026
H (cm)
160
140
120
100
80
60
40
20
0
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
112 110 108 107 106 105
110 107 105 104 103 102
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

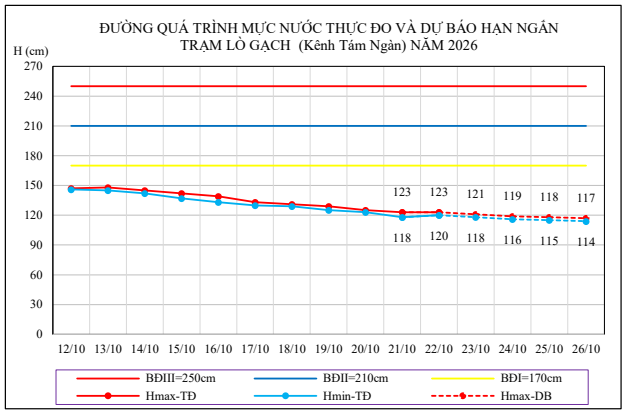
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM LÒ GẠCH (Kênh Tám Ngàn) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
123 123 121 119 118 117
118 120 118 116 115 114
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=250cm
BĐII=210cm
BĐI=170cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

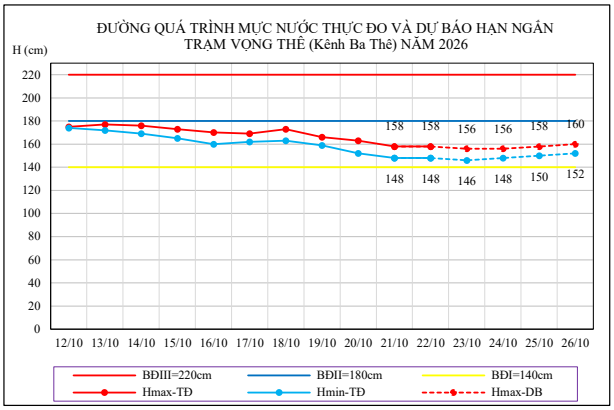
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VỌNG THÊ (Kênh Ba Thê) NĂM 2026
H (cm)
220
200
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
158 158 156 156 158 160
148 148 146 148 150 152
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=220cm
BĐII=180cm
BĐI=140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

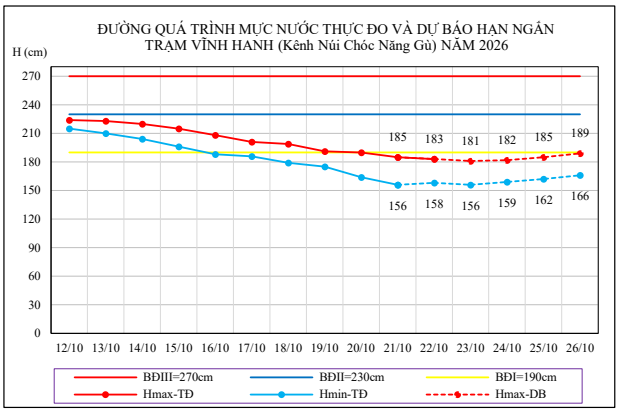
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM VĨNH HANH (Kênh Núi Chóc Năng Gù) NĂM 2026
H (cm)
270
240
210
180
150
120
90
60
30
0
185 183 181 182 185 189
156 158 156 159 162 166
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=270cm
BĐII=230cm
BĐI=190cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

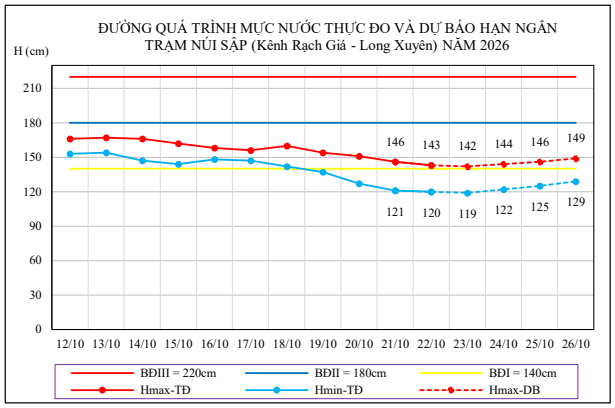
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM NÚI SẬP (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
210
180
150
120
90
60
30
0
146 143 142 144 146 149
121 120 119 122 125 129
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII = 220cm
BĐII = 180cm
BĐI = 140cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

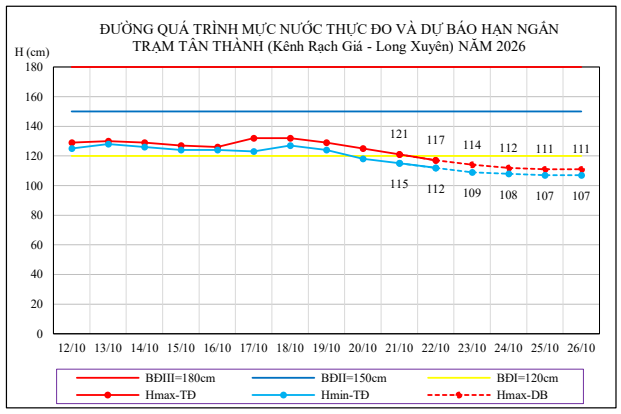
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN THÀNH (Kênh Rạch Giá - Long Xuyên) NĂM 2026
H (cm)
180
160
140
120
100
80
60
40
20
0
121 117 114 112 111 111
115 112 109 108 107 107
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=180cm
BĐII=150cm
BĐI=120cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

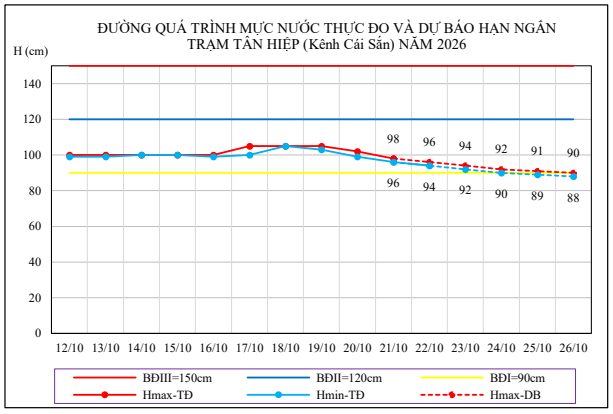
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM TÂN HIỆP (Kênh Cái Sắn) NĂM 2026
H (cm)
140
120
100
80
60
40
20
0
98 96 94 92 91 90
96 94 92 90 89 88
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=150cm
BĐII=120cm
BĐI=90cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB

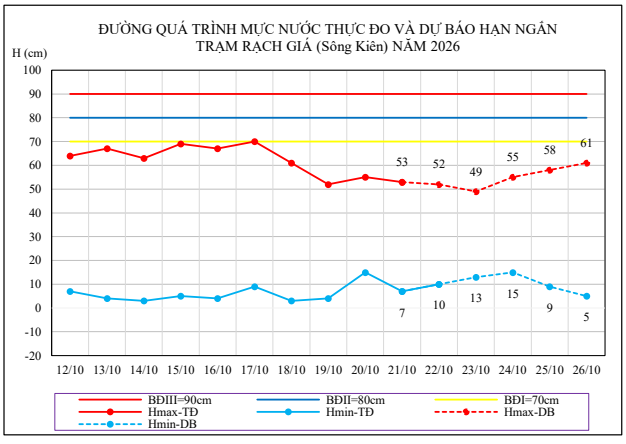
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM RẠCH GIÁ (Sông Kiên) NĂM 2026
H (cm)
100
90
80
70
60
50
40
30
20
10
0
-10
-20
53 52 49 55 58 61
7 10 13 15 9 5
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=90cm
BĐII=80cm
BĐI=70cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB

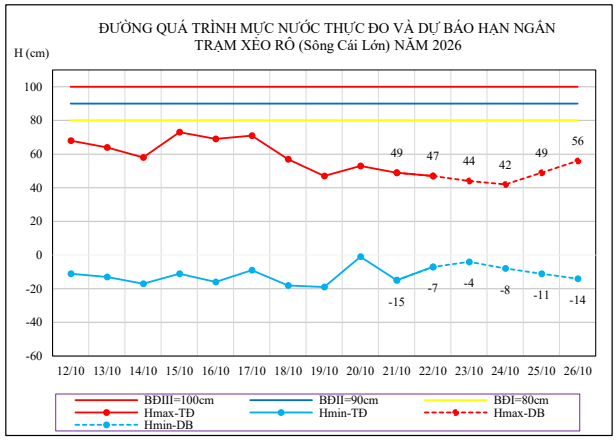
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỰC NƯỚC THỰC ĐO VÀ DỰ BÁO HẠN NGẮN
TRẠM XẺO RÔ (Sông Cái Lớn) NĂM 2026
H (cm)
100
80
60
40
20
0
-20
-40
-60
49 47 44 42 49 56
-15 -7 -4 -8 -11 -14
12/10 13/10 14/10 15/10 16/10 17/10 18/10 19/10 20/10 21/10 22/10 23/10 24/10 25/10 26/10
BĐIII=100cm
BĐII=90cm
BĐI=80cm
Hmax-TĐ
Hmin-TĐ
Hmax-DB
Hmin-DB